

Bản án số: 226/2022/DS-ST

Ngày: 12-12-2022

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Thương.

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 531/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2022/QĐST-DS ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Đỗ Thị T A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp G, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Các đương sự có mặt, ông Bnah và bà A có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày như sau: Bà và bà Trần Thị T quen biết nhau. Bà T trình bày là kết tiền nên mượn tiền của bà. Ngày 18/3/2020, bà cho bà T mượn số tiền 1.200.000.000đồng, thời gian mượn tiền từ ngày 18/3/2020 đến ngày 18/3/2021, lãi suất do hai bên thỏa thuận. Hai bên có làm giấy mượn tiền ngày 18/3/2020. Tuy nhiên, đến ngày 18/3/2021, bà T không trả cho bà số tiền này.

Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả số tiền còn thiếu nhưng bà T vẫn né tránh.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T trả cho bà An số tiền đã vay 1.200.000.000đồng và lãi suất của số tiền 1.200.000.000đồng, tính từ ngày 18/3/2021 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bà yêu cầu một mình bà T trả số tiền vay, không yêu cầu ai khác.

Tại phiên Tòa, bà An xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 1.200.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà chỉ biết bà An nhưng không làm ăn chung, bà làm ăn chung với mẹ bà An – Nguyễn Ngọc Riêm (đã chết). Bà có vay tiền bà Riêm nhiều lần, tổng cộng là 300.000.000đồng (bao gồm gốc và lãi, không phân định rõ bao nhiêu gốc, bao nhiêu lãi) nhưng bà Riêm kêu bà ký tên dùm về việc vay bà An là 1.200.000.000đồng để chồng con bà Riêm không biết bà Riêm đổ nợ. Vì là chỗ chị em nên bà ký tên vào giấy mượn tiền ngày 18/3/2020 nhưng thực chất bà mượn tiền bà Riêm nhiều lần, tổng cộng 300.000.000đồng, chứ không mượn bà An 1.200.000.000đồng.

Nay bà An yêu cầu bà trả số tiền đã mượn 1.200.000.000đồng, bà không đồng ý. Bà Riêm đã chết nên bà đồng ý trả lại cho con bà Riêm số tiền đã vay 300.000.000đồng và lãi suất 1% tính từ ngày 18/3/2021 cho đến nay. Bà xin trả dần số tiền này mỗi tháng 5.000.000đồng, thời gian trả bắt đầu từ tháng 02/2023 cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn B và bà Đỗ Thị T A trình bày tại bản tự khai ngày 14/11/2022: Ông bà là chồng và là con của bà Nguyễn Ngọc Riêm (đã chết). Việc bà Riêm có cho bà T mượn tiền hay không thì ông bà không biết. Nay trong vụ án này, ông bà không yêu cầu gì khác.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền ngày 18/3/2020” bà Trần Thị T thừa nhận có ký tên, lăn tay vào “Bên mượn” tiền, tuy nhiên, bà không đồng ý với số tiền vay 1.200.000.000đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ gì chứng

minh cho lời trình bày của bà. Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định bà T có vay của bà An số tiền 1.200.000.000đồng. Bà An không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Như vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà T, bà T hiện có hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Đỗ Thị T cho rằng bà Trần Thị T có nợ bà số tiền nợ vay 1.200.000.000đồng. Ngược lại, bà T chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 300.000.000đồng.

[2.1] Xét số tiền nợ 1.200.000.000đồng: Căn cứ vào “Giấy mượn tiền ngày 18/3/2020”, bà T thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu lấn tay “Bên mượn” đều do bà viết, ký và lấn tay. Xét thấy, theo giấy mượn tiền, thì bà T vay của bà An số tiền 1.200.000.000đồng, thời hạn vay là từ ngày 18/3/2020 đến ngày 18/3/2021, tức đến ngày 18/3/2021, bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà An số tiền 1.200.000.000đồng, đến nay bà T chưa trả cho bà An số tiền đã vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, cần buộc bà T phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay 1.200.000.000đồng cho bà An.

[2.2] Việc bà An trình bày bà chỉ nợ bà T số tiền 300.000.000đồng nhưng chỗ chị em với bà Riêm – mẹ bà An nên ký giấy mượn tiền 1.200.000.000đồng để chồng con bà Riêm không nói bà Riêm đổ nợ. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh điều mình trình bày.

Từ những điều phân tích trên, xét thấy lời trình bày của bà An là không có căn cứ nên HĐXX không xem xét, chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Bà An yêu cầu lãi suất 12%/năm đối với số tiền 1.200.000.000đồng, tính từ ngày 18/3/2021. Tại phiên Tòa, bà An xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu lãi suất nên HĐXX không xem xét, đề cập đến.

[4] Chồng và con của bà Riêm là ông B, bà An và bà A không yêu cầu bà T trả số tiền 300.000.000đồng mà bà T thừa nhận vay của bà Riêm nên HĐXX không đề cập, xem xét đến. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết trong một vụ án khác.

[5]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp nên HĐXX ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Trần Thị T.

Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Đỗ Thị T số tiền đã vay là 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Loan được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T số tiền 27.240.000đồng theo biên lai thu số 0000175 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương

